TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04/07/2022
V/v T/c Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồ Cảnh

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 04/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/TLST- HNGĐ ngày 13/4/2022 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/05/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1992; Địa chỉ: Xóm ST, xã HT, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Nơi ở: Tổ dân phố Giữa, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Đình K, sinh năm 1992; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm ST, xã HT, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Hiện đang trú tại: Nhật Bản. Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K cùng địa chỉ: Xóm 1 ST, xã HT, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2021, bản tự khai chị Nguyễn Thị G trình bày: Chị và anh Trần Đình K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký

kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, ngày 17/01/2013. Sau khi đăng ký kết hôn, hai vợ chồng về sống tại nhà chồng. Năm 2015, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Cuối năm 2015 hai vợ chồng đi làm ăn xa và gửi con cho ông bà ngoại trông nom, chăm sóc. Đến đầu năm 2020, anh Trần Đình K đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ khi anh K sang Nhật Bản làm việc cho đến nay thì vợ chồng ít liên lạc với nhau, anh K không quan tâm đến gia đình, không chăm lo làm ăn kinh tế, hay ghen tuông vô cớ, có nhiều lời lẽ xúc phạm chị G. Hiện tại anh K không quan tâm đến vợ con, hai vợ chồng không còn tình cảm, không còn tiếng nói chung nên chị G làm đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh Trần Đình K. Về con chung: Chị G và anh K có có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn NH sinh ngày 24/8/2014, hiện đang sống với ông bà ngoại. Ly hôn, chị G muốn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn NH, không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Cháu Hân cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, anh Trần Đình K: Sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng; T báo thụ lý vụ án, Công văn đề nghị gia đình anh K cung cấp T tin, địa chỉ của anh K ở nước ngoài, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; tiến hành xác minh đối với người thân của anh K. Theo xác nhận của Công an xã HT thì anh Trần Đình K có hộ khẩu tại xóm ST, xã HT, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, hiện không sinh sống tại địa phương. Theo kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 4625/QLXNC-P5 ngày 09/3/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an: Anh Trần Đình K có T tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 14/01/2020..... hiện chưa có T tin nhập cảnh.

Bố mẹ của anh Trần Đình K là ông Trần Đình C và bà Nguyễn Thị T cho biết: Anh K đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản từ năm 2020 đến nay chưa về, anh K thường xuyên liên lạc về với gia đình bằng điện thoại và ứng dụng mạng xã hội Zalo để hỏi thăm sức khỏe ông bà. Ông, bà đã nhận được T báo thụ lý và văn bản của Tòa án yêu cầu cung cấp T tin, địa chỉ của anh K, ông bà có cung cấp được địa chỉ lúc anh K mới sang tại Nhật Bản, tuy nhiên hiện tại, anh K đã chuyển sang địa chỉ khác và ông bà không cung cấp được địa chỉ hiện tại của anh K. Về việc ly hôn, quá trình anh K liên lạc về với ông, bà thì anh K đồng ý ly hôn với chị G và đề nghị giao cháu Trần Nguyễn NH cho chị G nuôi dưỡng, về tài sản, hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị G có đơn xin trình bày với nội dung: Năm 2015 do hai vợ chồng đi làm ăn xa nên gửi cháu Trần Nguyễn NH cho ông T, bà K nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến nay. Ông, bà không yêu cầu anh K, chị G trả tiền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu từ đó cho đến nay, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc trả tiền chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hân. Về việc ly hôn của anh G, chị K ông bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án không đưa ông bà vào tham gia tố tụng, không tiến hành tống đạt các giấy tờ có liên quan cho ông bà, ông bà xin vắng mặt tại buổi xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện của chị Nguyễn Thị G, cho chị G được ly hôn với anh Trần Đình K; giao các con chung của vợ chồng cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; dành quyền khởi kiện về cấp dưỡng, chia tài sản cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Trần Đình K có địa chỉ trước khi đi nước ngoài tại xã HT, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; anh K hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản cho ông Trần Đình Chín và bà Nguyễn Thị Thoan (là bố mẹ đẻ của anh K), đề nghị ông Chín, bà Thoan T báo cho anh K biết về yêu cầu khởi kiện của chị G. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm T báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định hoãn phiên tòa, tại nơi cư trú của anh K trước khi đi nước ngoài và yêu cầu ông Chín, bà Thoan cung cấp

địa chỉ cụ thể của anh K ở Nhật Bản nhưng ông Chín, bà Thoan không cung cấp được. Theo xác nhận của địa phương, xác minh ông Chín, bà Thoan, anh Trần Đình K có hộ khẩu tại xóm ST, xã HT, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã đi nước ngoài, hiện không sinh sống tại địa phương. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ hai lần đối với anh K nhưng anh K vắng mặt không có lý do. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, nhận thấy, chị G và anh Trần Đình K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/01/2013. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 nhưng không được hàn gắn, giải quyết. Đầu năm 2020, anh Trần Đình K đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ khi anh K sang Nhật Bản làm việc cho đến nay thì vợ chồng ít liên lạc với nhau, anh K không quan tâm đến gia đình, không chăm lo làm ăn kinh tế, không gửi tiền về chăm sóc gia đình. Hai vợ chồng không còn cùng hướng đến xây dựng hạnh phúc. Khi biết chị G xin ly hôn tại Tòa án, anh K cũng đã đồng ý. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị G và anh K không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Trần Đình K.

[3.2] Về con chung: Chị G và anh K có có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn NH sinh ngày 24/8/2014, hiện đang sống với ông bà ngoại là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K, cháu Hân có nguyện vọng được ở với mẹ. Ly hôn, chị G muốn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn NH, không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Anh K hiện đang ở nước ngoài và không có ý kiến gì. Vì vậy, phải giao cháu Hân cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, chị G, anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

Về việc nuôi cháu Hân, ông T và bà K là người trực tiếp quản lý, chăm sóc

cháu từ nhỏ đến nay nhưng không yêu cầu anh anh K, chị G phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc hai cháu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Hiện tại chị Nguyễn Thị G chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Trần Đình K cũng chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa có cơ sở xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 469 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G.

[1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Trần Đình K.

[2] Con chung: Giao cháu Trần Nguyễn NH sinh ngày 24/8/2014 chị Nguyễn Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hân đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự chưa có ý kiến nên Tòa án không xem xét. Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011828 ngày 05/04/2022.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

Chị Nguyễn Thị G, Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Trần Đình K đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Bá Võ **Nguyễn Hồ Cảnh** **Trần Quốc Cường**